

## CẢM NHẬN VỀ VẼ ĐẸP NHÂN CÁCH CỦA ÔNG TÚ TRONG BÀI THƠ THƯƠNG VỢ

### 1. Cảm nhận nổi lòng của ông Tú qua bài Thương vợ

Tú Xương có nhiều bài thơ, bài phú nói về vợ. Bà Tú vốn là "con gái nhà dòng, lấy chồng kẻ chợ", một người con dâu giỏi làm ăn buôn bán, hiền lành được bà con xa gần mến trọng:

"Đầu sông bến bãi, đua tài buôn chín bán mười

Trong họ ngoài làng, vụng lẽ chào dơi nói thơ".

Nhờ thế mà ông Tú mới được sống cuộc đời phong lưu: "Tiền bạc phó cho con mụ kiếm - Ngựa xe chẳng thấy lúc nào ngơi".

"Thương vợ" là bài thơ cảm động nhất trong những bài thơ trữ tình của Tú Xương. Nó là bài thơ tâm sự, đồng thời cũng là bài thơ thể sự. Bài thơ chứa chan tình thương yêu nồng hậu của ông Tú đối với người vợ hiền thảo của mình.

Sáu câu thơ đầu nói lên hình ảnh của bà Tú trong gia đình và ngoài cuộc đời: hình ảnh chân thực về một người vợ tần tảo, một người mẹ đôn hậu, giàu đức hi sinh.

Hai câu thơ trong phần đề giới thiệu bà Tú là một người vợ rất đảm đang, chịu thương chịu khó. Nếu như bà vợ của Nguyễn Khuyến là một phụ nữ "hay lam hay làm, thất lưỡng bó que, xắn váy quai cồng, chân nam đá chân chiêu, vì tớ đỡ đần trong mọi việc" (câu đối của Nguyễn Khuyến) thì bà Tú là một người đàn bà:

*"Quanh năm buôn bán ở mom sông  
Nuôi đủ năm con với một chồng".*

"Quanh năm buôn bán" là cảnh làm ăn đầu tắt mặt tối, từ ngày này qua ngày khác, từ tháng này qua tháng khác... không được một ngày nghỉ ngơi. Bà Tú "Buôn bán ở mom sông", nơi cái mảnh đất nhô ra, ba bề bao bọc sông nước; nơi làm ăn là cái thế đất chênh vênh. Hai chữ "mom sông" gợi tả một cuộc đời nhiều mưa nắng, một cảnh đời cơ cực, phải vật lộn kiếm sống, mới "Nuôi đủ năm con với một chồng". Một gánh nặng gia đình đè nặng lên đôi vai người mẹ, người vợ. Thông thường, người ta chỉ đếm mớ rau, con cá, đếm tiền bạc,... chứ ai "đếm" con, "đếm" chồng (!). Câu thơ tự trào ẩn chứa nỗi niềm chua chát về một gia đình gặp nhiều khó khăn: đông con, người chồng đang phải "ăn lương vợ". Có thể nói, hai câu đầu, Tú Xương ghi lại một cách chân thực người vợ tần tảo, đảm đang của mình.

Phần thực tô đậm thêm chân dung bà Tú, mỗi sáng mỗi tối đi đi về về "lặn lội" làm ăn như "thân cò" nơi "quãng vắng". Ngôn ngữ thơ tăng cấp tô đậm thêm nỗi cực nhọc của người vợ. Câu chữ như những nét vẽ, gam màu nối tiếp nhau, bổ trợ và gia tăng: đã "lặn lội" lại "thân cò", rồi còn "khi quãng vắng". Nỗi cực nhọc kiếm sống ở "mom sông" tưởng như không thể nào nói hết được! Hình ảnh "con cò", "cái cò" trong ca dao cổ: "Con cò lặn lội bờ sông...", "Con cò đi đón cơn mưa...", "Cái cò, cái vạc, cái nông..." được tái hiện trong thơ Tú Xương qua hình, ảnh "thân cò" làm lụi, đã đem đến cho người đọc bao liên tưởng cảm động về bà Tú, cũng như thân phận vất vả, cực khổ,... của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ:

*"Lặn lội thân cò khi quãng vắng,  
Eo sèo mặt nước buổi đò đông".*

"Eo sèo" là từ láy tượng thanh chỉ sự rầy rà bằng lời đòi, gọi liên tiếp dai dẳng; gợi tả cảnh tranh mua tranh bán, cảnh cãi vã nơi "mặt nước" lúc "đò đông". Một cuộc đời "lặn lội", một cảnh sống làm ăn "eo sèo". Nghệ thuật đối đặc sắc đã làm nổi bật cảnh kiếm ăn nhiều cơ cực. Bát cơm, manh áo mà bà Tú kiếm được "Nuôi đủ năm con với một chồng" phải "lặn lội" trong mưa nắng, phải giành giật "eo sèo", phải trả giá bao mồ hôi, nước mắt giữa thời buổi khó khăn!

Tiếp theo là hai câu luận, Tú Xương vận dụng rất sáng tạo hai thành ngữ: "một duyên hai nợ" và "năm nắng mười mưa", đối xứng nhau hài hòa, màu sắc dân gian đậm đà trong cảm nhận và ngôn ngữ biểu đạt:

*"Một duyên hai nợ, âu đành phận,  
Năm nắng mười mưa dám quản công".*

"Duyên" là duyên số, duyên phận, "nợ" là cái "nợ" đời mà bà Tú phải cam phận, chịu đựng. "Nắng", "mưa" tượng trưng cho mọi vất vả, khổ cực. Các số từ trong câu thơ tăng dần lên: "một... hai... năm... mười..." làm nổi rõ đức hi sinh thầm lặng của bà Tú, một người phụ nữ chịu thương chịu khó vì sự ấm no hạnh phúc của chồng con và gia đình. "Âu đành phận"... "dám quản công"... giọng thơ nhiều xót xa thương cảm.

Tóm lại, sáu câu thơ đầu, bằng tấm lòng biết ơn và cảm phục, Tú Xương đã phác họa một vài nét rất chân thực và cảm động về hình ảnh bà Tú, người vợ hiền thảo của mình với bao đức tính đáng quý: đảm đang, tần tảo, chịu thương, chịu khó, thầm lặng hi sinh cho hạnh phúc gia đình. Tú Xương thể hiện bút pháp điêu luyện trong sử dụng ngôn ngữ và sáng tạo hình ảnh. Các từ láy, các số từ, phép đối, đảo ngữ, sử dụng sáng tạo thành ngữ và hình ảnh "thân cò"... đã tạo nên ấn tượng và sức hấp dẫn của văn chương.

Hai câu kết, Tú Xương sử dụng từ ngữ thông tục, lấy tiếng chửi nơi "mom sông", lúc "buổi ò ðông" đưa vào thơ rất tự nhiên, bình dị. Ông tự trách mình:

*"Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,  
Có chồng hờ hững cũng như không!"*

Trách mình "ăn lương vợ" mà "ăn ở bạc". Vai trò người chồng, người cha chẳng giúp ích được gì, vô tích sự, thậm chí còn "hờ hững" với vợ con. Lời tự trách sao mà chua xót thế!

Ta đã biết, Tú Xương có văn tài, nhưng công danh dở dang, thi cử lận đận. Sống giữa một xã hội "dở Tây dở ta" chữ nho mạt vận, lúc mà "Ông nghề, ông công cũng nằm co" cho nên nhà thơ tự trách mình, đồng thời cũng là trách đời đen bạc. Ông không xu thời để vinh thân phì gia "tối rượu sâm banh, sáng sữa bò".

Hai câu kết là cả một nỗi niềm tâm sự và thế sự đầy buồn thương, là tiếng nói của một trí thức giàu nhân cách, nặng tình đời, thương vợ con mà gia cảnh nghèo. Tú Xương thương vợ cũng chính là thương chính mình vậy. Đó là nỗi đau thất thế của nhà thơ khi cảnh đời thay đổi!

Bài thơ "Thương vợ" được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Ngôn ngữ thơ bình dị như tiếng nói đời thường nơi "mom sông" của những người buôn bán nhỏ, cách đây gần một thế kỷ. Các chi tiết nghệ thuật chọn lọc vừa cá thể (bà Tú với "năm con, một chồng") vừa khái quát sâu sắc (người phụ nữ ngày xưa). Hình tượng thơ hàm súc, gợi cảm: thương vợ, thương mình, buồn về gia cảnh thêm nỗi đau đời. "Thương vợ" là bài thơ trữ tình đặc sắc của Tú Xương nói về người vợ, người phụ nữ ngày xưa với bao tình cảm trân trọng tốt đẹp. Hình ảnh bà Tú được nói đến trong bài thơ rất gần gũi với người mẹ, người chị trong mỗi gia đình Việt Nam.

## 2. Cảm nhận tấm lòng thương vợ của Trần Tế Xương qua bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương

Trần Tế Xương (hay còn gọi là Tú Xương) quê làng Vị Xuyên, Mĩ Lộc, Nam Định, là một trong những tên tuổi nổi bật của nền văn học Việt Nam thế kỉ 19. Tuy cuộc đời ngắn ngủi nhưng Trần Tế Xương đã để lại một di sản tinh thần cao quý. Bên cạnh những bài thơ đả kích, phê phán chế độ phong kiến mục nát, ông còn có những bài thơ cảm động về người phụ nữ. Thương vợ là một bài thơ xuất sắc nhất trong đề tài ấy. Bài thơ thể hiện một cách chân thành và cảm động tấm lòng thương vợ của Trần Tế Xương.

Cuộc đời của Trần Tế Xương là cuộc đời của một nghệ sĩ, nhưng trước hết là một trí thức phong kiến. Ông vốn là người có tài nhưng rất phóng túng. Trong thời buổi giao thời, Nho học suy tàn, lại thêm học hành, thi cử lận đận chỉ đổ Tú tài khiến Trần Tế Xương phải sống trong cảnh nghèo khổ, bất đắc chí. Bất mãn trước thời cuộc, các tác phẩm của Trần Tế Xương đã dựng nên bức tranh sinh động, nhiều mặt về xã hội thực dân phong kiến buổi đầu. Đó là bộ mặt xấu xa của bè lũ thực dân nửa phong kiến thống trị. Ông vạch trần thế lực đồng tiền trong xã hội đã ngự trị, chi phối đời sống. Đồng thời, qua các tác phẩm ông cũng bộc lộ khá sâu sắc tâm sự của bản thân về cái nghèo, về thi cử lận đận, nỗi buồn trước thời cuộc và vận mệnh nước nhà.

Khác với các nhà thơ khác (quá đề cao tính giáo lí), Trần tế Xương trở về với cuộc đời thực trong những nỗi cảm thông sâu sắc nhất. Khi mà vị trí của các Nho sĩ trở nên mất ưu thế, Trần Tế Xương đã kịp phát hiện vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam tảo tần, chung thủy và giàu đức hi sinh. Thương vợ chính là một bài ca cảm động, là sự trân trọng tôn quý đối với thân phận người phụ nữ:

*“Quanh năm buôn bán ở mom sông,  
Nuôi đủ năm con với một chồng.  
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,  
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.  
Một duyên, hai nợ, âu đành phận,  
Năm nắng, mười mưa, dám quản công.  
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:  
Có chồng hờ hững cũng như không!”*

Mở đầu bài thơ, Trần Tế Xương dựng lên bức tranh lao động của bà Tú. Vẻ đẹp hình tượng nhân vật bà Tú hiện lên trong bức tranh lao động kham khổ, hiu hắt và cam chịu đến tội nghiệp:

*“Quanh năm buôn bán ở mom sông,  
Nuôi đủ năm con với một chồng.”*

Công việc của bà Tú là buôn bán nhỏ. Công việc ấy diễn ra thường xuyên, triền miên, nối tiếp ngày này qua ngày khác. Nơi làm việc là mom sông. Đó là một nơi cheo leo, chênh vênh và hiểm trở. Câu thơ giới thiệu hình ảnh bà Tú đầy vất vả, gian truân. Tác giả tỏ ra cảm thông với công việc làm ăn và công lao của bà Tú.

Câu thơ tiếp theo làm hiện rõ gánh nặng cuộc đời của bà: Nuôi đủ năm con với một chồng. Nuôi đủ nghĩa là không thiếu nhưng cũng chẳng thừa. Cái nghèo cái khổ cứ mãi đeo đẳng hết ngày này tháng nọ. Nó gọi lên sự đảm đang, tháo vát, khéo vun vén của bà Tú để có thể cân bằng cuộc sống gia đình. Người đọc chợt giật mình nhận ra, cái gánh nặng ấy có cả ông Tú nữa qua biện pháp đối 5 với 1, cách diễn đạt tách 5 con với một chồng. Ông Tú cảm nhận mình là kẻ ăn theo, ăn bám vợ, là gánh nặng cho vợ. Thậm chí gánh nặng ông Tú còn hơn cả 5 đứa con.

Đối với người Nho sĩ xưa, ít có ai lại nói thực, nói mạnh như Trần Tế Xương. Ông tự thấy mình vô dụng, thấy mình là gánh nặng trong cuộc đời bà Tú mà đáng lẽ ra những bổn phận đó chính ông mới là người phải thực hiện. Ta thấy ở đâu đó trong câu thơ cái gục đầu ngán

ngẫm, thất vọng và buồn bã đến thê lương. Một người đàn ông không thể lo cho vợ, cho con, phải sống vô nghĩa lí giữa cuộc đời. Ở đâu đó ta cũng nghe được tiếng khóc thầm nãy nê. Không phải của bà Tú mà là của ông Tú. Khóc vì cảm thương vợ đã vất vả, hi sinh, cam chịu vì ông mà không hề than vãn, kêu ca:

*Lặn lội thân cò khi quãng vắng,  
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.*

Vận dụng sáng tạo hình ảnh “thân cò”, tác giả đã gợi liên tưởng trong ca dao xưa. Trong ca dao, hình ảnh thân cò nhằm chỉ cho người phụ nữ nhỏ bé, đầy bất hạnh và khổ đau:

*Con cò lặn lội bờ sông  
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non*

Hay:

*Cái cò lặn lội bờ sông  
Cổ dài mỏ cứng cánh cong lưng gù*

Hình ảnh con cò là tất cả nỗi vất vả, lam lũ, thân phận bé nhỏ, thấp hèn, hẩm hiu của người phụ nữ và cũng là của người nông dân trong xã hội phong kiến chất chứa đầy bất công. Họ luôn phải sống cam chịu, chấp nhận thiệt thòi mà không biết than vãn cùng ai. Bà Tú cũng đứng trong nghịch cảnh ấy. Tất cả những khổ nhọc ấy chỉ biết là số phận mang lại. Cái số phận bất di bất dịch mà con người đã sớm phải chấp nhận trong xã hội phong kiến nhiều bất công, ngang trái.

Hình ảnh bà Tú được khắc họa đậm nét trong sự bươn chải, tần tảo, xông pha qua nghệ thuật đối thanh, đối ý, đối từ loại giữa hai câu. Bà Tú đi sớm về khuya, bắt chập ngày nắng ngày mưa, buổi đông, buổi vắng. Hết “lặn lội khi quãng vắng” lại đến lúc vãn chợ “buổi đò đông”.

Bằng hai câu thơ, Trần Tế Xương đã khắc họa thành công hình ảnh người phụ nữ tần tảo, xông pha kiếm sống, không quản ngại thân phận nhỏ bé, đơn chiếc vì chồng con. Đến đây, ông bắt chợt nghĩ về cái nguyên nhân khiến bà Tú cam chịu, hi sinh đến thế:

*Một duyên, hai nợ, âu đành phận,  
Năm nắng, mười mưa, dám quản công.*

Một duyên hai nợ nói lên cái số cái phận hẩm hiu của bà. Bà Tú lấy chồng vì duyên thì ít mà vì nợ thì nhiều. Thành ngữ năm nắng mười mưa càng làm tăng thêm những khó khăn, vất vả, khổ cực, nhọc nhằn của bà. Muôn đời người phụ nữ là thế. Sinh ra nào biết đến những vinh vang ở đời. Cuộc sống của họ luôn đứng phía sau người đàn ông. Nếu người đàn ông học hành thành tài, có công có trạng, giàu sang phú quý thì họ cũng được nhờ. Nếu người đàn ông học hành thất bại, thì cử lặn đạn nhưng ông tú thì đời họ cũng tăm tối theo. Biết thế, bà Tú cũng “âu đành phận”. Cái phận đã thế, cho nên bà nào “dám quản công”. Nghĩa là bà sẵn sàng chấp nhận, cam chịu, không một lời trách than, hi sinh tất cả vì chồng con.

Trần Tế Xương đã nhìn thấu nỗi lòng bà Tú, càng thêm yêu, thêm quý cái tính, cái đức cao đẹp ấy. Lời thơ giản dị, nhưng sự trân quý của ông Tú dành cho bà Tú là vô cùng lớn. Nó vượt ra khỏi những luật lệ hà khắc của quy tắc xã hội phong kiến để vươn tới cái đẹp thuần mỹ, tinh khiết ở đời. Bà Tú mang những vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam vốn có. Họ đảm đang, tháo vát và giàu đức hi sinh.

Thương vợ, thương cảnh nhà nghèo khó, ông Tú trở lại trách đời, trách mình đã sống một cuộc đời vô nghĩa:

*Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:  
Có chồng hờ hững cũng như không!*

Lời ông Tú cất lên tiếng chửi đời, một lời nói mát, dỗi hờn, chút oán trách với đời. Chính thói đời trớ trêu đã khiến cho bà Tú làm than, cơ cực. Chính những hứa hẹn ban đầu khi lấy một sĩ tử với những hứa hẹn công danh, phú quý đã khiến bà Tú bước vào một con đường truân chuyên. Ông Tú nhận ra, lỗi làm ấy là do chính mình. Dù đã rất cố gắng nhưng con đường công danh ấy không thể trở thành hiện thực. Thế nên, trước ông trách đời đã tệ bạc với một

người đầy khát vọng và tài năng như ông. Sau là ông chửi mình, trách mình là người vô tích sự, ăn bám vợ. Qua tiếng chửi bộc lộ tấm lòng thương vợ và nhân cách cao đẹp của nhà thơ.

Qua bài thơ Thương vợ, Trần Tế Xương khiến cho người đọc phải suy ngẫm về lẽ đời, về tình người. Sống là phải biết cảm thông, chia sẻ niềm vui nỗi khổ ngay chính trong nghịch cảnh cam go nhất. Ở đó, tình người rất cần hiển hiện để xoa dịu những nỗi đau, để làm lành những vết thương.

Chỉ cần nói Thương vợ thôi là Trần Tế Xương đã vượt lên trên cả thời đại: phát hiện, tôn vinh và ngợi ca điều mà cả xã hội không biết, không dám ngợi ca. Cảm xúc mới mẻ đó lại được diễn tả bằng hình ảnh và ngôn ngữ quen thuộc của văn học dân gian, chứng tỏ hồn thơ Tú Xương dù mới lạ, độc đáo vẫn rất gần gũi với mọi người, vẫn có gốc rễ sâu xa trong tâm thức dân tộc. Tấm lòng thương vợ của Trần Tế Xương qua bài thơ là một cái nhìn mới mẻ và tiến bộ của nhà thơ đối với người phụ nữ trong xã hội phong kiến nước ta.

### 3. Về đẹp nhân cách Tú Xương qua bài thơ Thương vợ

Trần Tế Xương hay còn có bút danh là Tú Xương, ông là một tác giả nổi tiếng với nhiều tác phẩm mang chất trào phúng và trữ tình. Ông chỉ sống 37 tuổi và học vị tú tài, nhưng sự nghiệp thơ ca của ông đã trở thành bất tử. Ông để lại khoảng 100 tác phẩm gồm: thơ, văn tế, phú, câu đối, ... Một trong những tác phẩm tiêu biểu của ông là bài thơ "Thương vợ". Một bài thơ tô đọng trong đó là những phẩm chất tốt đẹp của người vợ, người phụ nữ đảm đang, chịu thương, chịu khó vì hạnh phúc của chồng con. Bài thơ được Tú Xương viết như sau:

*"Quanh năm buôn bán ở non sông  
Nuôi đủ năm con với một chồng.  
Lặn lội thân cò khi quãng vắng  
Eo xèo mặt nước buổi đò đông.  
Một duyên hai nợ, âu đành phận  
Năm nắng mười mưa, dám quản công  
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc!  
Có chồng hờ hững cũng như không!"*

Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú đường luật với bố cục được chia làm bốn phần: đề, thực, luận, kết. Mỗi phần hai câu nhằm khắc họa một cách sắc nét hình ảnh bà Tú- vợ Tú Xương, cũng như đang nói lên một phần nào đó hình ảnh người phụ nữ ở xã hội xưa.

Trong hai câu đề Tú Xương đã giới thiệu một cách khái quát về công việc của bà Tú. Đó là sự tần tảo "quanh năm" buôn bán ở mom sông, việc mua bán này không hề có cửa tiệm hay vốn liếng nhiều. Đây là một công việc vất vả, cực nhọc, thu nhập bất ổn song bà Tú vẫn đang "nuôi đủ" năm con với một chồng mà không một lời oán trách. Trong câu này, tác giả tách mình một bên, con một bên nhằm nhấn mạnh việc, mặc dù ông đỗ tú tài nhưng không được làm quan, phải đặt gánh nặng lên đôi vai của người vợ, người mà ông yêu thương. Câu thơ như là lời trách nặng nề của tác giả đối với chính bản thân mình, Nhưng qua câu thơ ta cũng thấy được cái tình cảm yêu thương mà Tú Xương dành tặng cho vợ mình.

Để diễn tả một cách cụ thể hơn sự vất vả trong công việc của bà Tú, trong hai câu thực tác giả đã mượn hình ảnh con cò trong ca dao Việt Nam để biến thành "thân cò" nhằm thể hiện sự lặn lội vất vả của bà Tú trong công việc mưu sinh hàng ngày tại nơi "quang vắng". Bên cạnh đó, Tú Xương còn khai quát một cách sinh động cảnh bán buôn ở mom sông của bà Tú qua câu "Eo xèo mặt nước buổi đò đông". Đó là hình ảnh nhộn nháo, tranh chấp mua bán của nhiều con người có công việc như bà Tú. Nhìn chung, cuộc đời bà Tú không ít khó khăn khổ.

Sự khó nhọc, vất vả của bà Tú không được dừng lại ở hai phần đề và thực mà nó còn tăng lên ở phần luận. Bằng việc sử dụng hai câu thuật ngữ "một duyên, hai nợ" và "năm nắng mười mưa" tác giả đã toát lên sự hi sinh cao cả của bà Tú, đó là việc chấp nhận số phận chăm lo cho chồng con và dù nắng hay mưa cũng không bỏ việc. Ở đây, Tú Xương đã nêu lên đức tính tốt đẹp của bà Tú nói riêng và người phụ nữ nói chung, đó là sự tần tảo, đảm đang, nhẫn nại, sẵn sàng hi sinh vì gia đình. Đồng thời qua đây tác giả cũng bộc lộ nỗi niềm biết ơn và quý trọng đối với bà Tú.

Cùng với quý trọng và biết ơn bà Tú ở hai câu luận, thì hai câu kết là một cách nói ngao ngán về nỗi niềm tâm sự của tác giả- Tú Xương. Một lời thở dài về "cái thói đời" ông nhắc đến chính là cái xã hội lúc bấy giờ- một xã hội mang tính nửa tây nửa ta, nửa phong kiến, nửa thực dân với những tư tưởng và đạo lí bị suy thoái. Bên cạnh ông tự trách bản thân sao mà "ăn ở bạc" thì cử hoài mà không đỗ đạt, chẳng thể làm quan, không giúp được gì cho vợ con, đẩy vợ con phải chịu khổ vì mình. Cuối cùng mọi thứ đúc kết trong lời than đầy xót xa của Tú Xương "Có chồng hờ hững cũng như không".

Tóm lại “Thương vợ” là một bài thơ hay mang đậm giá trị cảm xúc của Tú Xương. Nó hay trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong ca dao, thành ngữ của Tú Xương. Bài thơ lại mang đậm cảm xúc chân thành, lời thơ giản dị mà sâu sắc, nói lên tình cảm yêu thương, sự quý trọng mà Tú Xương dành cho vợ. Bên cạnh đó, bài thơ còn thể hiện đức tính đẹp của người phụ nữ Việt Nam xã hội xưa nói chung và bà Tú nói riêng.

www.eLib.vn

#### 4. Phân tích hình ảnh ông Tú trong bài thơ Thương vợ

Trong thơ Tú Xương có cả một mảng đề tài riêng viết về người vợ – bà Tú. Ở các bài thơ này, bà Tú bao giờ cũng xuất hiện trước và khuất lấp phía sau là hình ảnh ông Tú. Dù chỉ là nét vẽ thoáng qua nhưng khi đã nhận ra hình dáng ông trong đó người đọc sẽ vô cùng ấn tượng, nhớ mãi về một người đàn ông yêu thương và trân trọng vợ mình. Trong bài thơ Thương vợ, hình ảnh ông Tú cũng thoáng hiện lên nhưng để lại biết bao ấn tượng với người đọc.

Bài thơ nổi bật lên là chân dung bà Tú lam lũ, tần tảo “quanh năm buôn bán ở mom sông” nuôi sống gia đình. Nhưng đằng sau bức tranh chủ đạo ấy ta còn thấy một bức tranh khác cũng không kém phần đặc sắc chính là hình ảnh ông Tú với lòng yêu thương, quý trọng và tri ân vợ. Không chỉ vậy, ông còn là người có nhân cách cao đẹp.

Trước hết, Tú Xương là người có tình yêu thương vợ sâu sắc:

*Quanh năm buôn bán ở mom sông  
Nuôi đủ năm con với một chồng.*

Ông tuy không buôn bán cùng vợ nhưng ánh mắt trái tim ông thì vẫn một lòng hướng theo bà, để quan sát, để yêu thương bà Tú hơn khi cảm thấy hết những vất vả, cực nhọc mà bà Tú phải trải qua. Đặc biệt tự trân quý, yêu thương đó được thể hiện rõ nhất trong câu thơ: “Nuôi đủ năm con với một chồng”, đây là lời ông kể công, tính công cho vợ. Xuân Diệu đã từng nhận xét: “Chồng cũng là một thứ con còn dại, phải nuôi. Đếm con, năm con chứ ai lại đếm chồng, một chồng – tại vì phải nuôi như con cho nên mới liệt ngang hàng mà đếm để nuôi cho đủ”. Đặc biệt chữ “đủ” gợi cho ta nhiều ý nghĩa, nhiều cách hiểu, đủ – đủ thành phần trong gia đình: cả cha và con; đủ – đủ mọi thứ ăn uống, vui chơi: “Cơm hai bữa cá kho rau muống/ Quà một chiều: khoai lang, lúa ngô”. Đồng thời ông Tú cũng tự tách riêng mình với năm đứa con để cảm nhận hết tình yêu thương của vợ và dành lời tri ân sâu sắc dành cho bà Tú. Có lẽ phải là một người yêu thương, trân trọng vợ hết lòng ông mới có thể hạ cái tôi cao quý của mình để nói lời tri ân, cảm ơn sâu sắc đối với vợ đến như vậy.

Không chỉ vậy, Tú Xương còn là con người có nhân cách, điều đó được thể hiện rõ nhất qua lời tự trách: “Một duyên hai nợ âu đành phận”. Bà Tú lấy ông cái duyên, nhưng đồng thời cũng là cái nợ, là gánh nặng. Duyên đến với nhau thì ít mà nợ với nhau thì nhiều. Ông Tú tự nhận mình chính là cái nợ mà bà Tú cả đời này phải đèo bồng, bà có trách nhiệm phải trang trải. Mặc dù gánh trên mình trách nhiệm nặng nề nhưng người vợ không hề ca thán, kể công, như một lẽ thường tình của người phụ nữ Việt Nam, bà sẵn sàng hi sinh tất cả cho chồng con. Câu nói “âu đành phận” “ám quản công” như một lời Tú Xương nói hộ nỗi lòng vợ, đồng thời cũng là lời kể công thay cho vợ. Câu thơ như tiếng thở dài nài nỉ của người chồng thương vợ và có nhân cách.

*Cha mẹ thói đời ăn ở bạc  
Có chồng hờ hững cũng như không*

Tiếng chửi thói đời những tưởng là tiếng nói phẫn uất của bà Tú, nhưng thực chất đó là lời tác giả tự trách chính mình, tự phê phán chính mình, đó là cách thể hiện tình cảm rất đặc biệt Tú Xương dành cho vợ. Thói đời ở đây có thể hiểu là những quy tắc nghiêm ngặt, cổ hủ của chế độ phong kiến đã đẩy người vợ vào công cuộc mưu sinh với bao khó khăn, vất vả thậm chí cả nguy hiểm. Đó còn là thói vô cảm của người đàn ông, không quan tâm, không sẻ chia những nhọc nhằn trong cuộc sống với vợ. Tiếng chửi là lời nói phẫn uất, nhưng cũng chất chứa biết bao yêu thương, trân trọng, lòng biết ơn Tú Xương dành cho vợ.

Bằng ngôn ngữ giản dị, tình cảm chân thành sâu sắc Tú Xương đã góp một cảm xúc mới mẻ vào văn học trung đại Việt Nam. Bài thơ không chỉ thấy sự tảo tần, hi sinh của bà Tú, mà còn thấy được tình yêu thương, sự tri ân mà tác giả dành cho vợ. Qua đó còn làm sáng lên nhân cách cao đẹp của Tú Xương.